

# ỨNG XỬ CỦA HỘ NÔNG DÂN VỚI RỦI RO DỊCH BỆNH TRONG CHĂN NUÔI GIA CẦM TẠI TỈNH BẮC GIANG

**Mai Thị Huyền**

*Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang  
Email: huyenmt@bafu.edu.vn*

**Nguyễn Quang Hà**

*Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang*

Ngày nhận: 15/02/2017

Ngày nhận bản sửa: 28/3/2017

Ngày duyệt đăng: 25/4/2017

## **Tóm tắt:**

*Thời gian qua, chăn nuôi gia cầm của tỉnh Bắc Giang đã có bước phát triển khả quan, tuy nhiên do phần lớn chăn nuôi theo phương thức thả vườn, đời, tỷ lệ gia cầm mắc bệnh khá cao, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro dịch bệnh. Ứng xử của hộ nông dân với rủi ro còn hạn chế nhất là trong việc kiểm soát và phòng dịch bệnh, lựa chọn con giống, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, do đó rủi ro xảy ra gây thiệt hại cho hộ chăn nuôi không nhỏ. Bài viết này sẽ làm rõ thực trạng rủi ro dịch bệnh những năm gần đây và ứng xử rủi ro của hộ chăn nuôi tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở đó một số giải pháp giảm thiểu rủi ro của hộ được đề xuất trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** chăn nuôi gia cầm, dịch bệnh, rủi ro, ứng xử với rủi ro.

## **Behavior of farmers under poultry disease risks in Bac Giang province**

### *Abstract*

*Poultry production in Bac Giang province has been shifting from traditional, small scale production to large scale and commercial production. However, the sector is still facing a number of risks including production and market risks. Recently, the poultry production of the province has significantly developed but it seems to be unsustainable due to disease and price risks. In order to mitigate risks, poultry farmers have applied a number of measures and responses to the change. Behaviors of farmers under risks are still inconsistent, particularly the control of diseases, buying breeds, and technological application. The paper aims to determine the risk and behaviors of poultry farmers on risks. Based on that, conclusions and measures are drawn to reduce poultry disease risk of farmers.*

*Keywords: Poultry production, risks, diseases, behaviors of farmers.*

## **1. Đặt vấn đề**

Bắc Giang là tỉnh trung du miền núi phía Bắc có nhiều lợi thế cho phát triển chăn nuôi gia cầm. Theo thống kê, Bắc Giang có tổng đàn gia cầm cao nhất vùng Trung du miền núi phía Bắc với 15,5 triệu con (năm 2015), đứng thứ tư toàn quốc, sau thành phố Hà Nội, Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa (Tổng cục Thống kê, 2016). Chăn nuôi gia cầm của Bắc Giang đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản về các sản phẩm thịt, trứng,... cho người dân trong tỉnh và các tỉnh

lân cận, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống cho các hộ nông dân. Tuy nhiên, cũng như các tỉnh khác, chăn nuôi gia cầm của Bắc Giang phát triển chưa bền vững, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ và rủi ro do dịch bệnh. Mặc dù tỉnh đã chú trọng đến công tác quy hoạch, phát triển vùng chăn nuôi gia cầm tập trung, nhưng chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn là phổ biến, thiếu các cơ sở giết mổ quy mô lớn, công tác quản lý, kiểm soát còn hạn chế, nên tình trạng dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra đối với đàn gia cầm

gây thiệt hại cho người chăn nuôi. Để đối phó với tình trạng này hộ nông dân cũng có những biện pháp hay ứng xử nhất định như tiêm phòng vắc xin, vệ sinh chuồng trại, lựa chọn con giống kháng bệnh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật.

Bài viết nhằm mục tiêu phản ánh thực trạng rủi ro về dịch bệnh và ứng xử với rủi ro dịch bệnh của hộ nông dân tỉnh Bắc Giang. Bài viết được cấu trúc thành bốn phần, ngoài hai phần đặt vấn đề và kết luận, phần tiếp theo của bài trình bày những phương pháp cơ bản được áp dụng trong nghiên cứu. Phần thứ ba bao gồm tình hình rủi ro dịch bệnh, ứng xử rủi ro dịch bệnh trong chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân tỉnh Bắc Giang. Phần cuối là những kết luận và khuyến nghị các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro, để ngành chăn nuôi gia cầm của tỉnh Bắc Giang phát triển một cách bền vững trong thời gian tới.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu và thông tin

#### 2.1.1. Thu thập dữ liệu và tài liệu thứ cấp

Nguồn tài liệu thứ cấp bao gồm các thông tin, số liệu chung về tình hình chăn nuôi gia cầm, dịch bệnh, các văn bản của Chính phủ, ngành chức năng. Các bài nghiên cứu về chăn nuôi gia cầm, các bài báo về rủi ro trong chăn nuôi từ các bộ, ngành, các nhà khoa học, các địa phương cũng được thu thập để phân tích.

#### 2.1.2. Thu thập dữ liệu, thông tin sơ cấp

Tỉnh Bắc Giang được chia ra hai vùng là vùng núi và trung du xen kẽ đồng bằng. Dựa trên tình hình thực tế về chăn nuôi gia cầm ở hai vùng và lý thuyết về quy luật số lớn, chúng tôi xác định vùng núi (huyện Yên Thế) số mẫu được lựa chọn là 120 hộ và vùng trung du xen kẽ đồng bằng (huyện Việt Yên và Hiệp Hòa) số mẫu được chọn là 160 hộ. Phương pháp chọn mẫu áp dụng trong nghiên cứu này là chọn mẫu phân tầng. Phương pháp điều tra: phỏng vấn theo bảng hỏi kết hợp với thảo luận nhóm.

Dựa trên thực tế chăn nuôi gia cầm của tỉnh, mẫu điều tra hộ được phân tổ theo 3 nhóm quy mô: Hộ quy mô nhỏ (hộ nhóm I) là những hộ chăn nuôi có quy mô đàn gia cầm đến 500 con/lứa, hộ quy mô vừa (hộ nhóm II) là những hộ chăn nuôi có quy mô đàn gia cầm từ 500-1.000 con/lứa, hộ quy mô lớn (hộ nhóm III) là những hộ chăn nuôi có quy mô đàn gia cầm trên 1.000 con/lứa. Mức quy định này dựa vào thống kê hàng năm của Chi cục Thú y tỉnh Bắc Giang (ngày 1 tháng 10 hàng năm).

## 2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu, thông tin

Ngoài các phương pháp “truyền thống” của thống kê như thống kê mô tả, so sánh, nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định phi tham số để kiểm định sự khác biệt về phân phối giữa 3 (hay nhiều hơn) tổng thể từ các dữ liệu mẫu của chúng.

Nội dung của phương pháp nhằm đánh giá rủi ro trên cơ sở các thông tin mô tả định tính và không theo dạng phân phối mà dựa trên cơ sở đánh giá khách quan từ nguồn tài liệu sơ cấp thông qua việc nhìn nhận của người được phỏng vấn.

Để kiểm định sự khác biệt về phân phối giữa 3 (hay nhiều hơn) tổng thể từ các dữ liệu mẫu của chúng, nghiên cứu sử dụng kiểm định Kruskal-Wallis. Tất cả các quan sát của 3 nhóm được gộp lại với nhau để xếp hạng. Sau đó, xếp hạng của các quan sát trong từng nhóm được cộng lại và đại lượng thống kê Kruskal-Wallis (W) được tính từ tổng thể này. Đại lượng W này tuân theo phân phối Chi bình phương ( $\chi^2$ ) với giả thiết là cả ba nhóm có phân phối giống nhau. Phân phối mẫu của W gần giống với dạng phân phối  $\chi^2$  khi tất cả các mẫu đều có số đơn vị ít nhất là bằng 5.

Trong kiểm định Kruskal-Wallis (W):

Giả thuyết không ( $H_0$ ): Không có sự khác nhau giữa k tổng thể nghiên cứu;

Giả thuyết đối ( $H_1$ ): Có sự khác nhau giữa k tổng thể nghiên cứu.

Với bậc tự do trong kiểm định W xấp xỉ bằng (k-1), trong đó k là số mẫu/tổng thể nghiên cứu.

Sử dụng các ký hiệu sau:  $n_j$  là số đơn vị của mẫu j;  $R_j$  là tổng các hạng của các đơn vị của mẫu j;

$$n = \sum_{j=1}^k n_j \text{ là tổng số đơn vị của tất cả các mẫu.}$$

Xếp hạng tất cả các giá trị quan sát của k mẫu theo thứ tự tăng dần. Những giá trị bằng nhau sẽ nhận hạng trung bình.

Cộng các hạng của tất cả các giá trị ở từng mẫu lại, ký hiệu là  $R_1, R_2, \dots, R_k$

Tiêu chuẩn W được tính theo công thức sau:

$$W = \frac{12}{n(n+1)} \sum \frac{R_j^2}{n_j} - 3(n+1)$$

Bác bỏ giả thuyết  $H_0$  ở mức ý nghĩa thống kê  $\alpha$ , nếu  $W > \chi^2_{k-1, \alpha}$  với  $\chi^2_{k-1}$  có phân phối  $\chi^2$  với (k - 1) bậc tự do (Kanji, 1993).

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Rủi ro dịch bệnh gia cầm

Dịch bệnh là một trong những rủi ro có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân và nó cũng là một loại rủi ro có xác suất xảy ra rất lớn, từ những người chăn nuôi nhỏ đến những trang trại quy mô lớn cũng đều bị ảnh hưởng của rủi ro dịch bệnh. Các nghiên cứu trên thế giới cũng chỉ ra điều này. Tại Kenya (Châu Phi), thiệt hại do rủi ro thời tiết khô hạn và dịch bệnh chiếm tới 54% trong tổng thiệt hại do các loại rủi ro mang lại đối với hộ nông dân (Luke, 2011).

Trong những năm qua, chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang luôn chịu tác động của rủi ro dịch bệnh và thiệt hại nó gây ra là rất lớn. Dịch cúm gia cầm năm 2004 đã xảy ra ở hầu hết các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Cụ thể tổng số xã mắc dịch cúm gia cầm là 91 xã, với 813 hộ chăn nuôi, số gia cầm phải tiêu hủy là 245 nghìn con. Năm 2005, mặc dù dịch cúm gia cầm chỉ xảy ra ở 3 xã thuộc hai huyện Việt Yên và Yên Dũng, nhưng số gia cầm mắc bệnh phải tiêu hủy ở hai địa phương tới hơn 54% so với số liệu năm 2004 của cả tỉnh (huyện Yên Dũng là 104 nghìn con và Việt Yên là hơn 30 nghìn con). Đến năm 2007, dịch cúm gia cầm lại xuất hiện tại 172 hộ thuộc 37 thôn, 17 xã của 7/10 huyện, thành phố trong tỉnh. Mặc dù dịch tái phát trên diện rộng, nhưng số lượng gia cầm bị tiêu hủy ít hơn nhiều 2 năm trước đó (với 37 nghìn con) (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang, 2012). Những năm gần đây, dịch bệnh có xảy ra nhỏ lẻ tại một số huyện nhưng đều được bao vây, khống

chế, dập tắt kịp thời nên đã giảm thiểu thiệt hại về kinh tế và trong giai đoạn 2010-2015 tỉnh Bắc Giang không phải công bố dịch. Điều đó cũng tạo thuận lợi cho người chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm ổn định hơn.

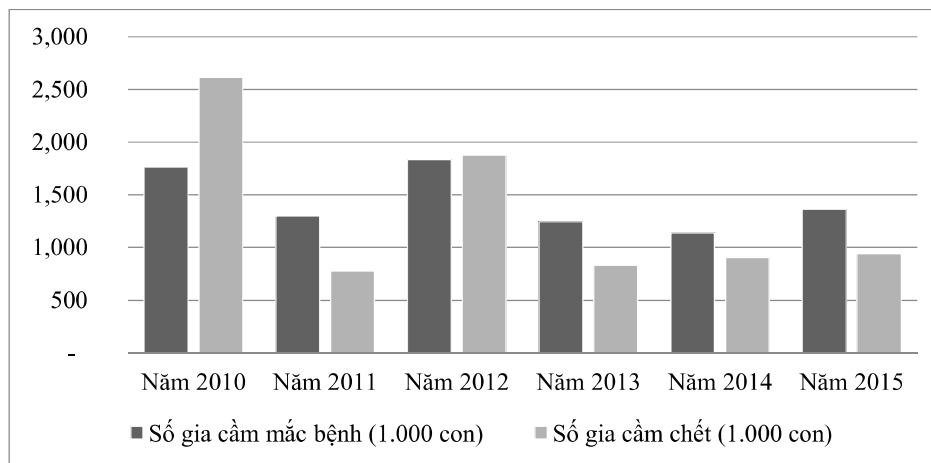
Tổng hợp số liệu từ Chi cục Thú y Bắc Giang giai đoạn 2010-2015 cho thấy, gia cầm mắc bệnh qua các năm có xu hướng giảm (bình quân giảm khoảng 4%/năm). Tuy nhiên, tỷ lệ gia cầm chết khá cao và biến động lớn qua các năm. Số gia cầm chết do dịch bệnh tập trung nhiều nhất vào các năm 2010, 2012 với tỷ lệ gia cầm chết bệnh và tiêu hủy lần lượt là 17% và hơn 12% so với tổng đàn (Số gia cầm chết nhiều hơn gia cầm mắc bệnh những năm này do phải tiêu hủy cả vùng dịch) (Hình 1).

Như vậy, mặc dù trên địa bàn tỉnh những năm gần đây không công bố dịch nhưng bệnh gia cầm ngày càng diễn biến phức tạp, chi phí thuốc thú y ngày càng cao. Đây sẽ là một khó khăn lớn cho hộ chăn nuôi nếu không có giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng mạng lưới thú y cơ sở đến công tác kiểm soát các cơ sở cung cấp dịch vụ thú y trên địa bàn tỉnh.

##### 3.1.1. Các bệnh gia cầm thường gặp

Các bệnh gia cầm thường gặp ở mỗi vùng có khác nhau. Đối với gia cầm, các bệnh cơ bản và thường gặp là bệnh cúm gia cầm, bệnh Gumboro, bệnh Newcastle. Đây là những bệnh có tỷ lệ nhiễm bệnh cao và dễ dẫn đến nguy cơ chết cả đàn gia cầm. Cơ chế phát sinh bệnh do vi rút nên phần lớn gia cầm được hộ chăn nuôi tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh. Trong giai đoạn 2013- 2015, tại địa bàn nghiên cứu chúng tôi không quan sát thấy không có hộ nào có gia cầm mắc bệnh cúm, một phần có thể do hộ chăn nuôi được hỗ trợ

Hình 1: Số gia cầm mắc bệnh và chết ở tỉnh Bắc Giang (2010-2015)



Nguồn: Cục thú y Bắc Giang (2016)

**Bảng 1: Tỷ lệ hộ có gà mắc các bệnh chính theo huyện (2013-2015)**

Đơn vị tính: % số hộ

Loại bệnh gia cầm	Yên Thế	Hiệp Hòa	Việt Yên	BQ chung	Kiểm định
	n = 103	n = 57	n = 41	n = 201	W
1. Cầu trùng	28,16	35,09	39,02	32,34	14,25**
2. Tụ huyết trùng	27,18	36,84	43,90	33,33	21,36***
3. Gumboro	14,56	28,07	31,71	21,89	16,73**
4. Newcastle	15,53	29,82	34,15	23,38	19,28**
5. Hen gà (CRD)	23,30	31,58	39,02	28,86	13,71**
5. Nhiễm khuẩn E.coli	7,77	8,77	9,76	8,46	15,92**
7. Bạch li (thương hàn)	6,80	7,02	6,47	6,96	18,55**
3. Ký sinh trùng máu	17,48	22,81	26,83	20,90	22,67***
9. Đầu đen	32,04	29,82	24,39	29,85	10,86*

Ghi chú: W là tiêu chuẩn Kruskal-Wallis dùng cho kiểm định phi tham số;

\*, \*\*, và \*\*\* ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, và 1%.

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)

100% vắc xin phòng bệnh. Các bệnh Gumboro, bệnh Newcastle, tỷ lệ hộ có gà mắc các loại bệnh này giảm rõ rệt đối với các hộ chăn nuôi ở huyện Yên Thế trong những năm gần đây. Lý do là huyện Yên Thế có diện tích vườn đồi, lại là vùng chăn nuôi trọng điểm ngoài hỗ trợ của tỉnh, huyện, hộ nông dân chủ động hơn trong

công tác phòng bệnh. Tuy nhiên, các bệnh này vẫn còn xuất hiện khá phổ biến ở các hộ chăn nuôi của vùng Trung du, đặc biệt là các hộ chăn nuôi của huyện Việt Yên, nơi có tỷ lệ mắc bệnh khá cao (kiểm định giữa các vùng về các loại bệnh đều có ý nghĩa thống kê, Bảng 1).

**Bảng 2: Tỷ lệ hộ có vịt mắc các bệnh chính theo huyện (2013-2015)**

Đơn vị tính: % số hộ

Loại bệnh gia cầm	Yên Thế		Hiệp Hòa		Việt Yên		BQ	Kiểm định W
	Nhót	Thả đồng	Nhót	Thả đồng	Nhót	Chung		
	n = 17	n = 21	n = 12	n = 15	n = 14	n = 79		
1. Dịch tả vịt	23,53	44,44	27,78	47,06	28,57	35,44	16,75**	
2. Viêm gan vi rút	17,65	38,1	25	41,18	26,19	30,38	13,29**	
3. Cầu trùng	23,53	36,51	27,78	39,22	28,57	31,65	14,42**	
4. Tụ huyết trùng	25,49	38,1	30,56	43,14	30,95	32,91	12,56**	
5. Phó thương hàn	5,88	9,52	8,33	11,76	7,14	8,86	7,84*	
6. Nhiễm khuẩn E.coli	11,76	11,11	8,33	13,33	7,14	11,39	6,53*	

Ghi chú: W là tiêu chuẩn Kruskal-Wallis dùng cho kiểm định phi tham số;

\*và \*\* ứng với mức ý nghĩa thống kê 10 và 5%; n là hộ điều tra, số mẫu điều tra lặp= nx3

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)



**Bảng 3: Tỷ lệ gia cầm thương phẩm bị bệnh và chết**

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Hộ nhóm I	Hộ nhóm II	Hộ nhóm III	BQ chung
1. Tỷ lệ gà bị bệnh BQ/lúa	25,57	21,15	16,25	21,51
2. Tỷ lệ vịt bị bệnh BQ/lúa	25,16	21,12	21,12	22,96
3. Tỷ lệ gà thịt chết BQ/lúa	10,44	8,33	7,68	9,01
Từ 1-4 tuần tuổi	6,37	4,91	4,45	5,38
Từ 4-8 tuần tuổi	2,40	2,08	1,92	2,17
Từ 8 tuần tuổi đến xuất bán	1,67	1,33	1,31	1,46
4. Tỷ lệ vịt thịt chết BQ/lúa	11,89	9,15	10,34	10,68
Từ 1-4 tuần tuổi	6,66	4,85	5,48	5,83
Từ 4 tuần tuổi đến xuất bán	5,23	4,30	4,86	4,86

*Nguồn: Số liệu điều tra (2015)*

Các bệnh Tụ huyết trùng, Cầu trùng, Hen gà gặp phổ biến ở các hộ chăn nuôi gà ở cả 3 huyện được lựa chọn nghiên cứu. Khác với các bệnh gia cầm khác, bệnh đầu đen ở gà phát sinh do ký sinh trùng, xảy ra khá phổ biến ở huyện Yên Thế (chiếm khoảng 32%), loại bệnh này thường làm cho gà giảm trọng lượng thịt rất nhanh. Theo kết quả điều tra, phần lớn bệnh này xảy ra đối với gà nuôi theo phương thức thả vườn đồi và đối với hộ chăn nuôi quy mô lớn. Như vậy, ngoài ảnh hưởng do quy trình quản lý dịch bệnh, yếu tố vùng cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ gia cầm mắc bệnh của các hộ chăn nuôi.

Đối với vịt, có thể khẳng định rằng, ngoài ảnh hưởng bởi đặc điểm của vùng kinh tế và hình thức chăn nuôi, phần lớn hộ nông dân chăn nuôi vịt theo phương thức thả đồng, thả ao, tỷ lệ lượt hộ có vịt nuôi mắc bệnh đều cao hơn hình thức nuôi nhốt ở hầu hết các huyện. Bệnh dịch tả vịt và tụ huyết trùng xuất hiện nhiều nhất, trên 35% số hộ. Giữa hai hình thức nuôi thả đồng và nuôi nhốt, mặc dù đã được hộ chăn nuôi tiêm phòng tương tự nhau, nhưng mức độ mắc bệnh rất khác nhau (Bảng 2). Trong tương lai, cần hạn chế việc phát triển chăn nuôi vịt theo hình thức thả đồng, tăng cường hình thức nuôi nhốt, giảm nguy cơ về dịch bệnh và áp dụng được kỹ thuật cao trong chăn nuôi.

Ở một số nước, rủi ro dịch bệnh cũng là những rủi ro chủ yếu và chiếm cơ bản trong chăn nuôi gia cầm. Luke (2011) cũng kết luận rằng tại Kenya (Châu Phi), do thời tiết khô hạn nên rủi ro dịch bệnh xuất hiện nhiều và chiếm chủ yếu trong chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân.

### 3.2. Thiệt hại do rủi ro dịch bệnh của hộ chăn nuôi gia cầm

Tỷ lệ gia cầm chết lớn nhất là giai đoạn từ 1 đến 4 tuần tuổi, chiếm tỷ lệ trên 60% tổng số gia cầm chết của hộ chăn nuôi gà, trên 55% đối với hộ chăn nuôi vịt. Do giai đoạn này sức đề kháng của gia cầm kém, đòi hỏi đảm bảo về nhiệt độ cũng như chế độ ăn thích hợp. Tỷ lệ gà bị bệnh bình quân/lúa và tỷ lệ gà chết bình quân/lúa có xu hướng chung là giảm dần từ hộ nhóm I đến nhóm III (Bảng 3).

Đối với chăn nuôi vịt thịt do đặc điểm môi trường chăn nuôi ẩm ướt, đặc biệt là chăn nuôi theo phương thức thả đồng khả năng nhiễm bệnh và lây lan dịch bệnh có thể cao hơn do vịt tiếp xúc với môi trường tự nhiên nên tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh. Mặc dù tỷ lệ vịt bị bệnh thấp hơn gà nhưng tỷ lệ vịt bị chết lại cao hơn (Bảng 3). Điều đó đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ trong công tác quản lý dịch bệnh và cải tiến quy trình chăn nuôi hợp lý để giảm thiểu rủi ro dịch bệnh.

Như vậy, quy mô chăn nuôi lớn, tỷ lệ thiệt hại do gia cầm chết có giảm nhưng không nhiều. Rủi ro dịch bệnh không những ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của đàn gia cầm, kéo dài thời gian chăn nuôi dẫn đến làm tăng chi phí về thức ăn, mà nó còn khiến cho người chăn nuôi mất thêm một khoản chi phí không nhỏ để mua thuốc chữa trị cho gia cầm. Hơn nữa, dịch bệnh gia cầm còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiêu thụ sản phẩm gia cầm của hộ. Khi dịch bệnh bùng phát sẽ gây ra tâm lý lo ngại cho người tiêu dùng nên giá bán giảm và lượng tiêu thụ các sản phẩm gia cầm cũng sẽ giảm đi. Điều này sẽ làm cho những người chăn nuôi giảm thu nhập và

**Bảng 4: Tỷ lệ hộ sử dụng các biện pháp phòng dịch bệnh cho gia cầm**

Đơn vị tính: % số hộ

Phương án	Hộ nhóm I (n=119)	Hộ nhóm II (n= 82)	Hộ nhóm III (n= 79)	BQ chung	Kiểm định W
1. Tiêm phòng vắc xin	80,67	96,34	100,00	90,71	20,69***
2. Phun thuốc sát trùng chuồng trại, rắc vôi bột	73,11	97,56	100,00	87,86	15,57**
3. Dùng các loại thuốc phòng bệnh khác	45,38	81,71	98,73	71,07	9,42*

*Ghi chú: W là tiêu chuẩn Kruskal-Wallis dùng cho kiểm định phi tham số;**\*, \*\* và \*\*\* ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%**Nguồn: Số liệu điều tra (2015)*

lợi nhuận, đôi khi bị thua lỗ lớn.

### 3.3. Ứng xử của hộ nông dân

#### 3.3.1. Phòng dịch bệnh

Phần lớn các hộ chăn nuôi quy mô lớn thực hiện nghiêm túc quy trình phòng bệnh gia cầm, 100% hộ chăn nuôi nhóm III thực hiện tiêm phòng vắc xin và phun thuốc sát trùng, rắc vôi bột chuồng trại. Hộ chăn nuôi nhóm II, nhóm III chú trọng việc sử dụng thuốc phòng bệnh trộn vào thức ăn để tăng sức đề kháng cho gia cầm. Kết quả cho thấy, hộ có quy mô chăn nuôi lớn chú ý hơn đến phòng bệnh cho gia cầm (sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, Bảng 4). Như vậy, việc phòng bệnh cho đàn gia cầm mặc dù đã được hộ chăn nuôi chú trọng nhưng hộ chăn nuôi quy mô nhỏ thực hiện

phòng bệnh cho đàn gia cầm còn hạn chế.

Kiểm soát dịch bệnh: Đối với gia cầm mắc bệnh, phần lớn các hộ chăn nuôi lựa chọn phương án nhốt riêng gia cầm để điều trị nhằm hạn chế lây lan bệnh trong đàn. Kết quả cho thấy tỷ lệ này cao nhất ở hộ nhóm III với 83,75% hộ chăn nuôi lựa chọn trong khi đó hộ nhóm I chỉ đạt 50% (Bảng 5). Việc bán chạy gia cầm bệnh vẫn còn tồn tại ở một số hộ, nhất là hộ chăn nuôi quy mô nhỏ. Đây là nguyên nhân lây lan dịch bệnh trên phạm vi rộng. Đối với gia cầm bệnh vào thời điểm có dịch các hộ chăn nuôi cũng có lựa chọn phương án tiêu hủy để tránh lây lan dịch bệnh (tuy nhiên tỷ lệ không cao, nhất là khi không có hỗ trợ của Nhà nước), các thời điểm không có dịch được hộ tách đàn đối với gia cầm bệnh để điều trị. Như

**Bảng 5: Tỷ lệ hộ sử dụng các phương án xử lý gia cầm bệnh**

Đơn vị tính: % số hộ

Phương án	Hộ nhóm I (n=119)	Hộ nhóm II (n= 82)	Hộ nhóm III (n= 79)	BQ chung	Kiểm định W
1. Bán ngay với giá rẻ	13,56	6,10	-	9,83	3,37 <sup>NS</sup>
2. Tiêu hủy ngay	5,08	9,47	16,25	10,27	9,44*
3. Nhốt riêng để điều trị	50,85	74,39	83,75	69,66	10,22*
4. Khác	30,51	10,04	-	20,28	2,55 <sup>NS</sup>

*Ghi chú: W là tiêu chuẩn Kruskal-Wallis dùng cho kiểm định phi tham số;**\* ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%; NS: không có ý nghĩa thống kê.**Nguồn: Số liệu điều tra (2015)*

vậy, công tác phòng bệnh của hộ chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ còn hạn chế, chưa chú trọng công tác phòng bệnh, vì vậy rất cần phải tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và công tác phòng bệnh cho hộ nông dân.

Liên quan đến ứng xử của người chăn nuôi đối với dịch bệnh, các nghiên cứu cũng đều đưa ra kết luận rằng hầu hết người chăn nuôi đều tự chữa trị cho gia súc và gia cầm. Do vậy, trong thời gian tới cần tăng cường tập huấn kỹ thuật và hiểu biết cho người chăn nuôi đối với dịch bệnh. Ngoài ra, nhóm cán bộ thú y và người bán thuốc thú y cũng là đối tượng trực tiếp ảnh hưởng đến ứng xử của người chăn nuôi đối với dịch bệnh. Khi gia súc và gia cầm bị bệnh hay có biểu hiện của bệnh thì nông dân sẽ hỏi và tham khảo, tư vấn đầu tiên là nhóm cán bộ thú y tại thôn, xã và các đại lý bán thuốc thú y. Để tăng cường khả năng phòng bệnh cũng như ứng xử của người chăn nuôi rất cần mở rộng và đầu tư nhiều hơn vào các lớp khuyến nông, tập huấn cho đối tượng này (Nguyễn Thị Thu Huyền và Phạm Văn Hùng, 2016).

### 3.3.2. Mua con giống gia cầm

Chất lượng con giống không chỉ ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng đến khả năng chống chịu bệnh. Vì vậy, lựa chọn con giống rõ nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và giá cả phù hợp là hết sức cần thiết đối với hộ chăn nuôi.

Ứng xử về con giống của các nông hộ có sự khác biệt giữa các vùng, huyện Yên Thế rất quan tâm đến chất lượng con giống cũng như con giống được xử lý bệnh hay không, khi giá con giống tăng phần lớn nông hộ vẫn tiếp tục nuôi, tuy nhiên hơn 50% số hộ giảm quy mô do chăn nuôi số lượng lớn khi giá con giống tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm tăng, thu nhập giảm (Bảng 6). Đối với hộ chăn nuôi của huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, họ ít quan tâm hơn đến chất lượng con giống, giá cả cũng ảnh hưởng không lớn đến quyết định chăn nuôi của hộ do chăn nuôi quy mô nhỏ hơn nên ảnh hưởng của giá bán không lớn. Riêng việc xử lý con giống kém chất lượng khó khăn hơn đối với các hộ ở Yên Thế, phần lớn các hộ chăn nuôi khi gặp chất lượng con giống kém vẫn tiếp tục nuôi, tỷ lệ hộ loại thải ngay rất hạn chế (chỉ 15%), vì vậy tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro về sản lượng.

**Bảng 6: Ứng xử của hộ nông dân về con giống trong chăn nuôi gia cầm**

Chi tiêu	Đơn vị tính: % số hộ			
	Yên Thế (n=120)	Hiệp Hòa (n=90)	Việt Yên (n=70)	Kiểm định W
1. Vấn đề quan tâm của hộ khi mua con giống				
- Chất lượng con giống	80,83	95,56	91,43	17,83***
- Giá cả	19,17	4,44	8,57	9,62 <sup>NS</sup>
2. Ứng xử của hộ khi giá con giống tăng mạnh				
- Không nuôi	3,33	7,78	21,43	2,93 <sup>NS</sup>
- Vẫn tiếp tục nuôi nhưng giảm quy mô	50,83	45,56	42,86	8,42*
- Vẫn tiếp tục nuôi và ổn định quy mô	39,17	37,78	35,71	7,87*
- Khác	6,67	8,89	-	2,45 <sup>NS</sup>
3. Xử lý khi chất lượng giống kém				
- Loại thải ngay	15,32	50,63	36,21	15,76**
- Tiếp tục nuôi khi có điều kiện thì loại thải	63,96	30,38	51,72	9,57*
- Chưa gặp chất lượng giống kém	20,72	18,99	12,07	1,73 <sup>NS</sup>

Ghi chú: W là tiêu chuẩn Kruskal-Wallis như trên;

\*, \*\* và \*\*\* tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

NS là không có ý nghĩa thống kê

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)

**Bảng 7: Tỷ lệ hộ áp dụng kỹ thuật trong phòng bệnh gia cầm**

Đơn vị tính: % số hộ

Chỉ tiêu	Hộ nhóm I (n=119)	Hộ nhóm II (n= 82)	Hộ nhóm III (n= 79)	BQ chung	Kiểm định W
1. Tách biệt khu chăn nuôi	-	21,95	40,51	17,86	
2. Kiểm soát bãi chăn thả	41,18	95,12	100,00	73,57	17,33**
3. Sử dụng đệm lót sinh học	47,90	92,68	100,00	75,71	18,61**
4. Chế độ ăn thích hợp	56,30	79,27	91,14	72,86	24,84***
5. Vệ sinh chuồng nuôi thường xuyên	60,50	86,59	93,67	77,50	21,73***

Ghi chú: Kiểm định W như trên; \*\*\* và \*\* ứng với mức ý nghĩa thống kê 1 và 5%.

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)

Kết quả cho thấy đánh giá của các hộ về con giống ở các vùng có khác nhau (kết quả có ý nghĩa thống kê). Khi giá con giống tăng mạnh, các hộ chăn nuôi gia cầm đều cho rằng vẫn tiếp tục nuôi, hoặc có thể giảm quy mô hoặc có thể ổn định quy mô nuôi nhưng mức độ khác nhau. Khi chất lượng giống gia cầm kém, phản ứng của các hộ chăn nuôi ở 3 huyện nghiên cứu cũng khác nhau, nhưng họ đều cho rằng loại thải ngay hoặc tiếp tục nuôi khi có điều kiện thì loại thải.

3.3.3. *Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi giảm rủi ro dịch bệnh*

Phần lớn hộ chăn nuôi gia cầm dựa vào kinh nghiệm, chuồng trại chăn nuôi gia cầm chủ yếu bố trí sát nhà cho dễ quản lý và bảo vệ; Hộ chưa hiểu nhiều về kỹ thuật chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học. Kết quả cho thấy, trên 82% số hộ chăn nuôi gia cầm còn nuôi gia cầm trong khu dân cư, trong đó 100% những hộ có quy mô nuôi dưới 500 con đều nuôi cạnh nhà. Khoảng gần 27% số hộ không kiểm soát bãi chăn thả, 22,5% số hộ không vệ sinh chuồng trại thường xuyên. Đây là nguyên nhân dẫn đến rủi ro về dịch bệnh. So sánh giữa ba nhóm hộ (theo quy mô), hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật của hộ nhóm I là thấp nhất, như kiểm soát

**Bảng 8: Tình hình tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân**

Đơn vị tính: % số hộ

Chỉ tiêu	Yên Thế (n=120)	Hiệp Hòa (n=90)	Việt Yên (n=70)	BQ chung
1. Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi của hộ				
- Tỷ lệ hộ tham gia tập huấn chăn nuôi	95,83	88,89	68,57	86,79
- Tỷ lệ hộ tham gia tập huấn chăn nuôi thường xuyên	84,17	72,22	34,29	67,86
2. Tổ chức tham gia tập huấn				
- Khuyến nông	21,43	32,22	10,00	20,00
- Thú y	60,83	31,11	17,14	40,36
- Dự án	15,83	1,11	0,00	7,14
- Công ty bán cám	21,43	14,44	5,83	12,50
- Công ty thuốc thú y	20,00	17,14	4,17	12,50

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)



bãi chăn thả và sử dụng đệm lót sinh học (chưa được 50% số hộ sử dụng). Công việc này lại làm khá tốt ở nhóm hộ chăn nuôi quy mô lớn (nhóm hộ III) (Bảng 7). Điển hình là các hộ chăn nuôi quy mô lớn của huyện Yên Thế, do là huyện trọng điểm trong chăn nuôi gia cầm, người chăn nuôi tiếp cận với kỹ thuật chăn nuôi tốt hơn nên tỷ lệ gia cầm bệnh thường thấp hơn so với nhóm hộ chăn nuôi quy mô nhỏ.

Hộ chăn nuôi gia cầm tỉnh Bắc Giang rất chú trọng đến việc tập huấn kỹ thuật chăn nuôi. Cụ thể, tỷ lệ tập huấn thường xuyên kỹ thuật chăn nuôi của các hộ huyện Yên Thế đạt 84,17%, Hiệp Hòa đạt 72,22% và chủ yếu do các trung tâm khuyến nông, thú y, công ty thức ăn, công ty thuốc thú y tổ chức (Bảng 8). Tỷ lệ này đạt thấp nhất tại huyện Việt Yên. Như vậy, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi thường xuyên nâng cao khả năng phòng bệnh, làm giảm tỷ lệ gia cầm mắc bệnh, điều đó thể hiện khá rõ tỷ lệ gia cầm mắc bệnh ở huyện Yên Thế thường thấp hơn các huyện khác ở phần lớn các bệnh.

#### 3.3.4. Chia sẻ rủi ro

Thực hiện bảo hiểm vật nuôi là một biện pháp nhằm san sẻ rủi ro trong chăn nuôi của hộ nông dân. Thủ tướng Chính phủ (2011) đã ban hành quyết định triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, trong đó có nội dung bảo hiểm vật nuôi nhằm hỗ trợ cho người chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần đảm bảo ổn định, an sinh xã hội, thúc đẩy ngành chăn nuôi. Đối tượng tham gia là các hộ nông dân của các tỉnh Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Định, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa, chưa có tỉnh Bắc Giang. Khi hỏi về bảo hiểm nông nghiệp, phần lớn

các hộ nông dân có nhu cầu về bảo hiểm vật nuôi, tuy nhiên, nhiều hộ nông dân ít hiểu biết về cơ chế hoạt động của loại hình bảo hiểm này, họ chỉ mong muốn được bao cấp. Bắc Giang là tỉnh phát triển về chăn nuôi gia cầm nên phát triển hình thức bảo hiểm vật nuôi cho hộ nông dân là rất cần thiết để giảm thiểu rủi ro, ổn định sản xuất.

Tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi gia cầm, chú trọng trong công tác phòng bệnh gia cầm, nhất là tiêm phòng. Đây là biện pháp mang lại hiệu quả cao trong phòng chống dịch cúm gia cầm. Hàng năm, Chi cục Thú y đã chỉ đạo tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm cho toàn bộ số gia cầm trong diện tiêm. Ngoài tiêm phòng một năm 2 đợt chính, Chi cục còn thường xuyên tổ chức tiêm phòng các đợt bổ sung, kết quả mỗi năm tiêm được gần 10 triệu liều vắc xin cúm gia cầm với kinh phí khoảng từ 2-5 tỷ VND cho công tác này. Chính vì vậy, những năm gần đây tỉnh đã khống chế được dịch cúm gia cầm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang, 2016). Tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cho hộ nông dân.

Kết quả khảo sát cho thấy nguồn thông tin chính thống về chăn nuôi gia cầm của các hộ còn hạn chế (Bảng 9). Như vậy, có thể nói hộ chăn nuôi chủ yếu do truyền thông và kinh nghiệm được truyền qua các thế hệ. Khi thông tin không được chia sẻ thì khả năng tiếp cận kỹ thuật chăn nuôi, hạn chế rủi ro trong sản xuất chưa được các hộ chăn nuôi ở đây chú trọng, và dẫn đến mức độ rủi ro cao hơn.

#### 4. Kết luận và khuyến nghị

Rủi ro dịch bệnh trong chăn nuôi gia cầm tỉnh Bắc Giang còn diễn biến khá phức tạp và có nguy cơ bùng

**Bảng 9: Các nguồn thông tin về chăn nuôi gia cầm của hộ nông dân**

Đơn vị tính: % số hộ

Chỉ tiêu	Yên Thế (n=120)	Hiệp Hòa (n=90)	Việt Yên (n=70)	BQ chung
- Bạn bè	5,83	35,56	48,57	26,07
- Sách báo của hàng thức ăn và thú y	3,33	20,00	12,86	11,07
- Ti vi, đài	5,00	10,00	4,29	6,43
- Khuyến nông	4,17	3,33	0,00	2,86
- Các hội chăn nuôi	5,00	0,00	0,00	2,14

Nguồn: Số liệu điều tra (2015)

phát trở lại. Những bệnh chính gà thường mắc phải trong vùng nghiên cứu là cầu trùng, tụ huyết trùng, đầu đen và hen gà. Tỷ lệ gia cầm chết còn khá cao (xấp xỉ 10%) nên người chăn nuôi bị thiệt hại lớn. Hộ nông dân đã quan tâm và chủ động trong công tác phòng dịch bệnh nhưng ứng xử rủi ro về dịch bệnh của họ còn nhiều hạn chế nhất là hộ chăn nuôi quy mô nhỏ. Hộ chăn nuôi cần tập trung nhiều hơn vào biện pháp phòng dịch (như tiêm vắc xin, vệ sinh chuồng trại). Đây cũng là điều cần thiết và phù hợp trong quản lý rủi ro của hộ. Khi gia cầm bị bệnh hay dịch thì họ chủ yếu là nhốt riêng để theo dõi và tránh lây lan. Nông dân cũng đã nhận ra chất lượng giống gia cầm tốt sẽ giảm được rủi ro, tuy nhiên chỉ những hộ quy mô lớn, vùng sản xuất hàng hóa mới chú ý nhiều hơn. Các biện pháp chia sẻ rủi ro như thực hiện bảo hiểm vật nuôi còn rất mới và chưa được người chăn nuôi gia cầm tại vùng nghiên cứu áp dụng.

Để giảm thiểu rủi ro dịch bệnh cần kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp cả phía hộ, chính quyền và các cơ quan liên quan. Cụ thể:

Đối với chính quyền và các công ty: Tăng cường bồi dưỡng và tập huấn về chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn sinh học cho hộ chăn nuôi. Trong đó nên tập trung vào tập huấn chọn giống cho người chăn nuôi thông qua các kênh như thú y, khuyến nông và các công ty chăn nuôi, công ty thức ăn gia súc, và các nhà khoa học.

Thông qua các cơ quan chuyên môn và các cơ quan truyền thông cung cấp thường xuyên các thông tin kinh tế, kỹ thuật cho người chăn nuôi gia cầm. Chú trọng tuyên truyền về phòng bệnh và kiểm soát bệnh cũng như áp dụng kỹ thuật. Ngoài các phương tiện truyền thống như báo, đài, các tờ rơi qua hệ thống

### Tài liệu tham khảo

- Cục Thú y Bắc Giang (2016), *Bộ dữ liệu điều tra “Thực trạng dịch bệnh gia cầm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2015”*, Bắc Giang.
- Kanji, Gopal K. (1993), *100 Statistical Tests*, SAGE Publication Ltd., London.
- Luke, K.K. (2011), ‘Risk management among agricultural household and the role of off-farm investments in Uasin Gishu County, Kenya’, Unpublished Master Thesis, Egerton.
- Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám thống kê năm 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang (2012), *Tóm tắt tình hình dịch cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, Bắc Giang.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang (2016), *Kết quả chăn nuôi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2015 và định hướng phát triển chăn nuôi giai đoạn 2016-2020*, Bắc Giang.
- Nguyễn Thị Thu Huyền & Phạm Văn Hùng (2016), ‘Ứng xử của hộ nông dân đối với dịch bệnh trong chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên’, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 14(2), 143-150.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 315/QĐ-TTg về triển khai thi điểm bảo hiểm nông nghiệp*, ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2011.

khuyến nông, cần mở rộng, kết hợp với các hình thức mới như tin nhắn, tin kết hợp quảng cáo của các công ty điện thoại (như Viettel).

Thực hiện bảo hiểm vật nuôi, mở rộng, phổ biến nâng cao nhận thức của hộ nông dân về bảo hiểm vật nuôi, thông qua các tổ chức hiệp hội, đoàn thể, tổ chức tập huấn về bảo hiểm vật nuôi cho hộ nông dân để họ hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm trong lĩnh vực này. Đặc biệt quan tâm tới đối tượng là các hộ chăn nuôi quy mô lớn, thu nhập từ 100 triệu VND trở lên, bởi đối với nhóm hộ này thiệt hại khi dịch bệnh xảy ra rất lớn.

Giải pháp đối với hộ nông dân: Cần đăng ký và thực hiện nghiêm quy trình chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAHP, từ địa điểm xây dựng chuồng trại, điều kiện chuồng nuôi, gia cầm giống mua về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo yêu cầu về thức ăn và nước uống, quy trình chăm sóc, nuôi. Đảm bảo đàn gia cầm không bị xâm nhập của mầm bệnh như vi khuẩn, vi rút, nấm mốc, ký sinh trùng, nhằm hạn chế tối đa sự xuất hiện và lây lan của dịch cúm gia cầm.

Chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi thông qua các hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ nhằm chia sẻ rủi ro và giảm thiệt hại do rủi ro cho hộ chăn nuôi. Kết hợp đồng thời cả phối trộn thức ăn và sử dụng thức ăn thặng.

Liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gia cầm, trong đó chú trọng đến việc thành lập các nhóm liên kết trong chăn nuôi gia cầm, nâng cao vai trò của các Hợp tác xã, các hiệp hội đã được thể hiện trong thời gian qua ở nhiều địa phương.

Các giải pháp trên đây được thực hiện tốt thì ngành chăn nuôi gia cầm của tỉnh Bắc Giang sẽ có bước phát triển bền vững trong tương lai.